

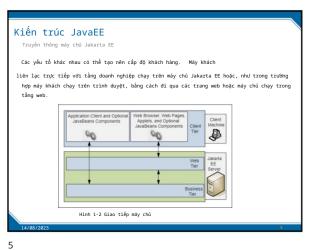
mục tiêu Tổng quan về kiến trúc JakartaEE Tổng quan về container JakartaEE Tổng quan về API JakartaEE Dịch vụ Jakarta Vòng đời của Servlet Chia sẻ thông tin - Xử lý không đồng bộ - Bối cảnh và tiêm phụ thuộc (CDI) -JSP \_ - Ó cấm web Trang máy chủ Java

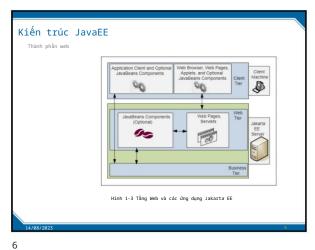
Platform version	Released Date	Specification	Java SE suppor
Jakarta EE 10	13 September 2022	10	Java SE 17 / 11
Jakarta EE 9.1	25 May 2021	9.1	Java SE 11 / 8
Jakarta EE 9	08 December 2020	9	Java SE 8
Jakarta EE 8	10 September 2019	8	Java SE 8
Java EE 8	31 August 2017	JSR 366	Java SE 8
Java EE 7	28 May 2013	JSR 342	Java SE 7
Java EE 6	10 December 2009	JSR 316	Java SE 6
Java EE 5	11 May 2006	JSR 244	Java SE 5
J2EE 1.4	11 November 2003	JSR 151	J2SE 1.4
J2EE 1.3	24 September 2001	JSR 58	J2SE 1.3
J2EE 1.2	17 December 1997	1.2	J2SE 1.2

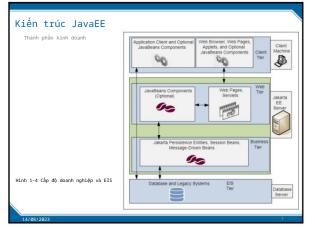
Kiến trúc JavaEE Ứng dụng đa tầng phân tán Các phần ứng dụng Jakarta EE: - Các thành phần cấp client chạy trên máy client. Các thành phần cấp web chạy trên máy chủ Jakarta EE. Các thành phần cấp doanh nghiệp chạy trên máy chủ Jakarta EE. Hệ thống thông tin doanh nghiệp (EIS) - tầng phần mềm chạy trên máy chủ EIS. Mặc dù một ứng dụng Jakarta EE có thể bao gồm tắt cả các tầng nhưng Hình 1-1 Ứng dụng nhiều tầng

4

2



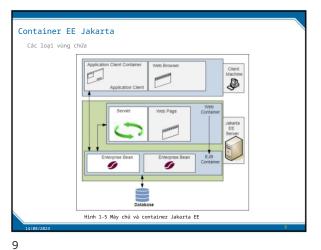


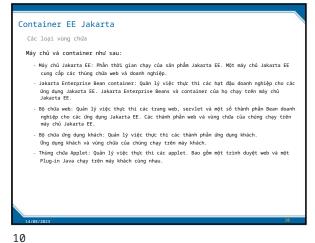


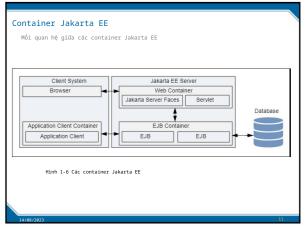
Container EE Jakarta Dịch vụ container Container là giao diện giữa một thành phần và chức năng cụ thể của nền táng cấp thấp hỗ trợ thành phần đó. Trước khi có thể thực thi, một thành phần web, Enterprise Bean hoặc ứng dụng khách phải được lấp ráp thành mô-đun Jakarta EE và được triển khải vào vùng chữa của nó. Quy trình lấp ráp bao gồm việc chỉ định cài đặt vùng chứa cho từng thành phần trong vuy cimi lap lap bao yom việc chỉ dịnh cài dạt vùng chứa cho từng thành phần trong ứng dụng Jakarta EE và cho chính ứng dụng Jakarta EE. Cải đặt vùng chứa tuỳ chính hỗ trợ cơ bản do máy chủ Jakarta EE cung cấp, bao gồm các dịch vụ như bảo mặt, quán lý giao dịch, tra cứu API Giao diện thư mục và đặt tên Java (JNDI) cũng như kết nối từ xa. Đây là một số điểm đáng chủ ý. Mô hình báo mặt Jakarta EE cho phép bạn định cấu hình thành phần web hoặc doanh nghiệp để tài nguyên hệ thống chỉ được truy cập bởi người dùng được ủy quyền.

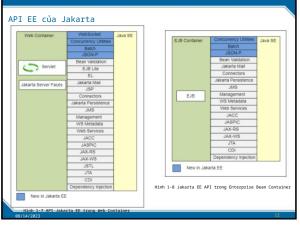
Mô hình giao đột Jakarta EE cho phép bạn chỉ dịnh mối quan hệ giữa các phương thức tạo nên một giao dịch duy nhất để tất cá các phương thức trong một giao dịch được coi là một đơn vị duy nhất. Địch vự tra của NDOI chu giao địao điện thống nhất cho nhiều dịch vự đặt tea thư mục trong doanh nghiệp để các thành phần ứng dụng có thể truy cấp các dịch vụ này. Mô hình kết nổi từ xa Jakarta EE quản lý thông tin liên lạc cấp thấp giữa khách hàng và đậu doanh nghiệp. Sau khi một bean doanh nghiệp được tạo, một máy khách sẽ gọi các phương thức trên nó như thế nó nằm trong cúng một máy do.

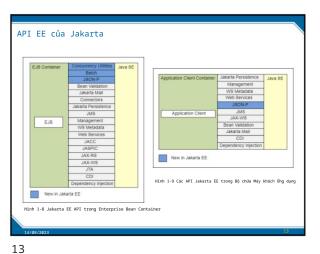
7





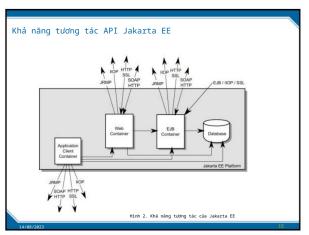


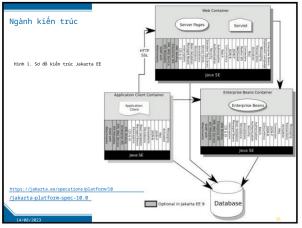




Công nghệ đậu doanh nghiệp Jakarta Công nghệ đậu doanh nghiệp Jakarta Công nghệ Servlet Jakarta Giấy phép Jakarta Xác thực Jakarta Công nghệ khuôn mặt Jakarta Công nghệ trang máy chủ Jakarta An ninh Jakarta Thư viện thẻ tiêu chuẩn Jakarta Ó cấm web Jakarta Sự kiên trì của Jakarta Xử lý JSON ở Jakarta Giao dịch Jakarta Liên kết JSON của Jakarta Dịch vụ web RESTful Jakarta Đồng thời Jakarta Đậu được quản lý Jakarta Lô Jakarta Bối cảnh Jakarta và nội dung phụ thuộc Kích hoạt Jakarta Tiêm phụ thuộc Jakarta Xác nhận đậu Jakarta Liên kết XML Jakarta Dịch vụ Web XML của Jakarta Jakarta SOAP có tệp đính kèm Tin nhắn Jakarta Đầu nối Jakarta Chú thích Jakarta thư Jakarta Đọc thêm: https://eclipse-ee4j.github.io/jakartaee-tutorial/

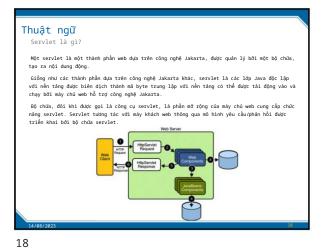
14

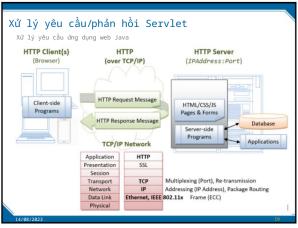


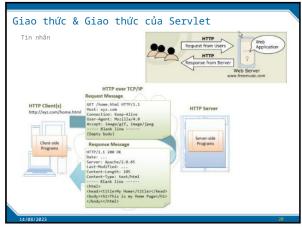


15 16











Thuật ngữ

Thùng chứa servlet là gi?

Bộ chứa servlet là một phần của máy chủ web hoặc máy chủ ứng dụng dùng để cung cấp các dịch vụ mạng qua đó các yêu cầu và phân hồi được thực hiện được gửi, giải mã các yêu cầu dựa trên MIME và định dạng các phân hồi dựa trên MIME.

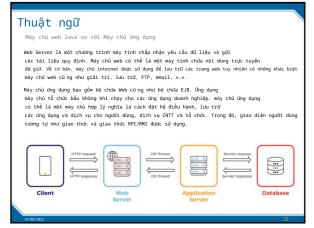
Một thông chứa servlet cũ ng chứa và quản lý các servlet thông qua vòng đời.

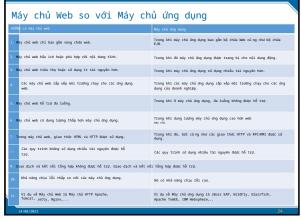
Một bộ chứa servlet có thể được tích hợp vào một máy chủ web lưu trữ hoặc được cải đặt như một thành phần tiện ich bổ sung cho máy chủ web thông qua API tiện ích mở zông riêng của máy chủ đó.

Các thùng chứa Servlet cũ ng có thể được tích hợp hoặc có thể được cải đặt vào các máy chủ ứng dụng hỗ trợ web.

Tất cá các thùng chứa servlet phải hỗ trợ HTTP lầm giao thức cho các yêu cầu và phân hồi, nhưng các giao thức dựa trên yêu cầu/phân hỗi bổ sung như HTTPS (HTTP qua SSL) có thể được hỗ trợ.

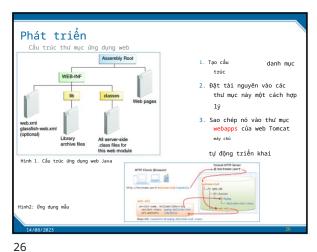
21 22

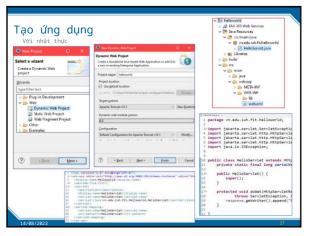


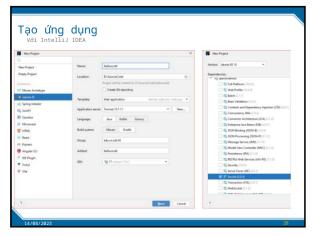


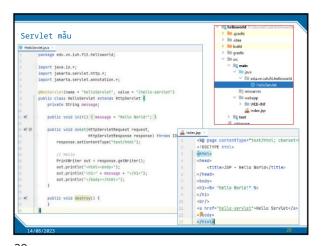
23 24



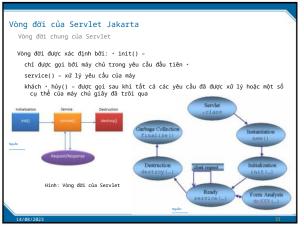


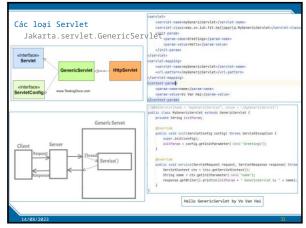






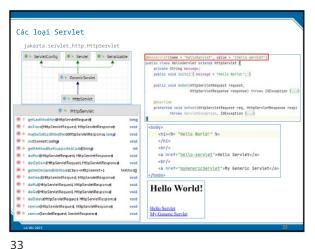




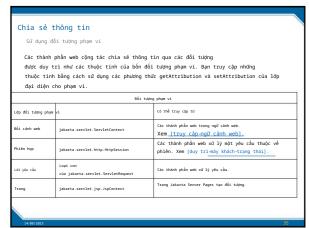


31 32

ó 8

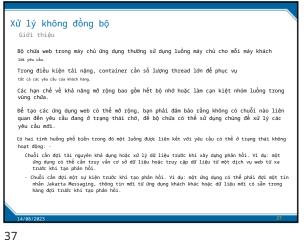






Chia sẻ thông tin Kiểm soát quyền truy cập đồng thời vào tài nguyên được chia sẻ Trong một máy chủ đa luồng, các tài nguyên được chia sẻ có thể được truy cập đồng thời. TRONG Ngoài các thuộc tính đối tượng phạm vi, các tài nguyên được chia sẻ bao gồm dữ liệu trong bộ nhớ, chẳng hạn như các biến thể hiện hoặc lớp và các đối tượng bên ngoài, chẳng hạn như các tệp, cơ sở dữ liệu kết nối và kết nối mạng. Truy cập đồng thời có thể phát sinh trong một số trường hợp. - Nhiều thành phần web truy cập các đối tượng được lưu trữ trong ngữ cảnh web Nhiều thành phần web truy cập các đối tượng được lưu trữ trong một phiên. - Nhiều luồng trong một thành phần web truy cập các biến thể hiện Vùng chứa web thường sẽ tạo một luồng để xử lý từng yêu cầu. Đảm bảo rằng một phiên bản servlet chỉ xử lý một vêu cầu tại một thời điểm, một servlet có thể triển khai giao diện SingleThreadModel. Nếu một servlet thực hiện điều này giao diện, không có hai luồng nào sẽ thực thi đồng thời trong dịch vụ của servlet phương pháp. Vùng chứa web có thể triển khai bảo đảm này bằng cách đồng bộ hóa quyền truy cập đến một phiên bản duy nhất của servlet hoặc bằng cách duy trì một nhóm thành phần web các phiên bản và gửi từng yêu cầu mới đến một phiên bản miễn phí. Giao diện này làm không ngăn chặn các sự cố đồng bộ hóa do các thành phần web gây ra' truy cập các tài nguyên được chia sẻ, chẳng hạn như các biến lớp tĩnh hoặc các đối tượng bên ngoài

35 36



Xử lý không đồng bộ Xử lý không đồng bộ trong Servlet Để bật xử lý không đồng bộ trên servlet, hãy đặt tham số asyncSupported thành true trên chú thích @WebServlet như sau: @WebServlet(urlPatterns={"/asyncservlet"}, asyncSupported=true) public class AsyncServlet extends HttpServlet { ... Lớp jakarta.servlet.AsyncContext cung cấp chức năng mà bạn cần để thực hiện xử lý không đồng bộ bên trong các phương thức dịch vụ. Để lấy một phiên bản của AsyncContext, hãy gọi phương thức startAsync() trên đối tượng yêu cầu của phương thức dịch vụ của bạn; public void doGet(HttpServletRequest req, HttpServletResponse resp) AsyncContext acontext = req.startAsync(); Lớp AsyncListener cung cấp chức năng mà bạn có thể sử dụng để nghe lớp công khai MyAsyncListener triển khai AsyncListener {

```
Xử lý không đồng bộ

    EventListener

■ a AsyncListener

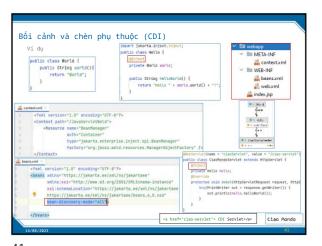
                                                                                    m = onTimeout (AsyncEvent ) void
       PrintWriter writer = resp.getWriter();
AsyncContext asyncContext = req.startAsync();
asyncContext.addListener(new MyAsyncListener());
                                                                                    nError (AsyncEvent )
                                                                                    m = anComplete (AsyncEvent ) void
                                                                                    m w onStartAsync (AsyncEvent ) void
        asyncContext.start(new Runnable() {
           goverride
public void run () {
   String msg = task();
   writer.println(msg);
                                                                                      MyAsyncListener
                                                                                  writeToResponse (AsyncEvent , String) void
                                                                               m is onError (AsyncEvent )
                asyncContext.complete();
                                                                               m w onStartAsync (AsyncEvent )
       17:

    ⊕ onComplete (AsyncEvent )

                                                                               m 'a onTimeout (AsyncEvent )
   private String task () {...}
   Doc thêm: https://github.com/eclipse-ee4j/jakartaee-tutorial/blob
```

Bối cảnh và chèn phụ thuộc (CDI) CDI (Contexts and Dependency Insert) là một khung chèn phụ thuộc tiêu chuẩn có trong Java EE 6 trở lên. Nó cho phép chúng tôi quản lý vòng đời của các thành phần có trạng thái thông qua các bối cảnh vòng đời cụ thể của miền và đưa các thành phần (dịch vụ) vào các đối tượng máy khách theo cách an toàn về loại - Bối cảnh: Khả năng liên kết vòng đời và sự tương tác của các thành phần có trạng thái với Tiêm phụ thuộc: Khả năng đưa các thành phần vào một ứng dụng theo cách an toàn về loại, bao gồm khả năng chọn tại thời điểm triển khai thực hiện một giao diện cụ thể để đưa vào Trong Máy chủ Tomcat, cần thêm tham chiếu đến phụ thuộc mối hàn jboss https://github.com/eclipse-ee4j/jakartaee-tutorial/tree/master/src/main/asciidoc/cdi-basic

40





Dịch vụ web RESTful
Giới thiệu

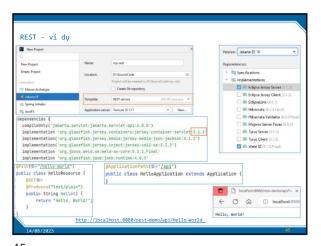
Các dịch vụ web RESTful được kết hợp lỏng lẻo, các dịch vụ web nhẹ
đặc biệt phù hợp để tạo API cho khách hàng trải rộng khắp
Internet.

Chuyển trạng thái đại điện (REST) là một kiểu kiến trúc của ứng dụng máy chủ
khách tập trung vào việc chuyển giao các đại điện của
tài nguyên thông qua các yêu cầu và phân hồi.

Trong phong cách kiến trúc REST, dữ liệu và chức năng được xem xét
tài nguyên và được truy cập bằng Mã định danh tài nguyên thống nhất (URI),
thường là các liên kết trên web.

Các tài nguyên được thể hiện bằng các tài liệu và được thực hiện bằng cách sử dụng
một tập hợp các hoạt động đơn giản, được xác định rõ.

Tài nguyên gốc RESTful Phát triển dịch vụ web RESTful với Jakarta REST Jakarta REST là API ngôn ngữ lập trình Java được thiết kế để giúp dễ dàng để phát triển các ứng dụng sử dụng kiến trúc REST. Jakarta REST API sử dụng chú thích ngôn ngữ lập trình Java để đơn giản hóa việc phát triển các dịch vụ web RESTful. Các nhà phát triển trang trí file lớp ngôn ngữ lập trình Java bằng Jakarta Chú thích REST để xác định tài nguyên và các hành động có thể được được thực hiện trên các tài nguyên đó. evá @Consumes @Con duliting ecái Đầu @Sản xuất @BƯU KIỆN етйу сном BCác nhà cung cấp @ĐẶT @PathParam @ApplicationPath @QueryParam https://github.com/eclipse-ee4j/jakartaee-tutorial/blob/master/src/main/asciidoc/jaxrs/jaxrs002.adou



Chú thích @Path và Mẫu đường dẫn URI Chú thích @Path xác định mẫu đường dẫn URI mà tài nguyên phản hồi và được chỉ định ở cấp độ lớp hoặc phương thức của tài nguyên. Giá trị của chú thích @Path là mẫu đường dẫn URI một phần so với cơ sở URI của máy chủ nơi tài nguyên được triển khai, gốc ngữ cảnh của ứng dụng và mẫu URL mà thời gian chạy Jakarta REST phản hồi. Mẫu đường dẫn URI là các URI có các biến được nhúng trong cú pháp URI. Các biến này được thay thế trong thời gian chạy để tài nguyên phản hồi với yêu cầu dựa trên URI được thay thế. Các biến được biểu thị bằng dấu ngoặc nhọn ({ và }). th(@~"/calc") blic class CalculatorService { @GET @Path(©~"/add/{a}/{b}") public int doAdd(@PathParam("a") int a,@PathParam("b") int b){ return a+b; localhost:8080/rest-demo/api/c= × + 

45 46

NGHÍ NGOI

Các loại được hỗ trợ cho các thực thể phân hỗi và yêu cầu HTTP

Sử dụng Nhà cung cấp thực thể để ánh xạ các thực thể yêu cầu và phân hỗi HTTP

- Các nhà cung cấp thực thể cung cấp dịch vụ ánh xạ giữa các đại diện và các loại Java liên quan.

- Hai loại trình cung cấp thực thể là MessageBodyReader và MessageBodyNriter.

Loui Java

Sử dụng @Consumes và @Produces để tùy chỉnh yêu cầu và phản hồi Giá trị của @Produces là một mảng Chuỗi các loại MIME hoặc danh sách các hằng số MediaType được phân tách bằng dấu phẩy. Ví dụ: @Sản xuất({"hình ảnh/jpeg,hình ảnh/png"}) @Produces(MediaType.APPLICATION\_XML) @Produces({"application/xml", "application/json"}) Chú thích @Consumes được sử dụng để chỉ định loại phương tiện MIME nào của các biểu diễn mà tài nguyên có thể chấp nhân hoặc sử dụng từ máy khách. - Nếu @Consumes được áp dụng ở cấp lớp, tất cả các phương thức phản hồi đều chấp nhận các loại MIME được chỉ định theo mặc định. Nếu được áp dụng ở cấp phương thức, @Consumes sẽ ghi đè mọi chú thích @Consumes áp dụng ở cấp lớp. @Consumes({"text/plain,text/html"}) • @Consumes({MediaType.TEXT\_PLAIN,MediaType.TEXT\_HTML}) • @Consumes("nhiều phần/có liên quan") · @Consumes("application/x-www-form-urlencoding")



Định cấu hình ứng dụng Jakarta REST Tạo một lớp con của jakarta.ws.rs.core.Application để định cấu hình thủ công môi trưởng trong đó chạy các tài nguyên REST được xác định trong các lớp tài nguyên của bạn, bao gồm cả URI cơ sở. Thêm chú thích @ApplicationPath cấp lớp để đặt URI cơ sở. @ApplicationPath("/api") public class HelloApplication extends Application {} tất cả tài nguyên được xác định trong ứng dụng đều liên quan đến / api Theo mặc định, tất cả tài nguyên trong kho lưu trữ sẽ được xử lý cho tài nguyên. Ghi đè phương thức getClasses để đăng ký thủ công các lớp tài nguyên trong ứng dụng với thời gian chạy Jakarta REST. public class HelloApplication extends Application { public Set<Class<?>> getClasses() {
 final Set<Class<?>> classes = new HashSet<>(); // register root resource
classes.add(HelloResource.class);
return classes;

50

```
Máy khách REST
        public static void main(String[] args)
              Client client = ClientBuilder.newClient();
              WebTarget wt1 = client.target("http://localhost:8080/rest-demo/api/colc/mul?g=46b=3");
WebTarget wt1 = client.target( wm: "http://localhost:8080/rest-demo/api/calc/mul")
              .queryParam( name "b", __vilots 3);

Response responsel = wtl.request().accept(MediaType.TEXT_PLAIN).get();
              String s1 = response1.readEntity(String.class);
              BebTorget wt2 = client.target("http://localhost:8080/rest-demo/api/colc/add/3/4");
WebTorget wt2 = client.target( we "http://localhost:8080/rest-demo/api/calc/add")
                          .path("3")
.path("4");
              Response response2 = wt2.request().accept(MediaType.TEXT_PLAIN).get();
String s2 = response2.readEntity(String.class);
              System.out.println("----:" + s1);
System.out.println("----:" + s2);
```



